

Bài văn mẫu Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### ***Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ***

Hàn Mặc Tử một nhà thơ tài năng, một diện mạo thơ bí ẩn, phức tạp bậc nhất trong thơ ca Việt Nam. Thơ ông vừa có sự trong trẻo, tinh khiết vừa có cái ma quái, bí ẩn, chính những yếu tố đó đã làm nên sự hấp dẫn trong thơ Hàn Mặc Tử. Thơ điên (sau đổi thành Đau thương) là những nét vẽ cụ thể của phong cách thơ ấy. Có thể nói bài Đây thôn Vĩ Dạ là bài thơ trong trẻo, tươi sáng nhất trong tập thơ này của ông.

Đây thôn Vĩ Dạ được sáng tác năm 1938. Tác phẩm được chia làm ba phần tương ứng với ba khổ, khổ đầu miêu tả khung cảnh thôn Vĩ tươi sáng, đẹp đẽ trong nắng sớm; khổ hai là khung cảnh sông nước trong đêm trăng huyền ảo; khổ cuối là hình bóng của người lữ khách trong chốn sương khói mờ ảo, huyền bí.

Mở đầu bài thơ là câu hỏi thật tha thiết mà cũng đầy triu mến:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Câu thơ có bảy chữ thì có đến sáu chữ vắn bẻ, gợi nên cái êm ái, dịu dàng đậm chất của âm điệu xứ Huế. Vậy chủ thể của câu hỏi này là ai? Là Hoàng Kim Cúc, người con gái mà Hàn Mặc Tử thầm yêu, giọng điệu khi ấy có phần trách móc, hờn dỗi, đồng thời cũng là lời mời mọc hết sức duyên dáng. Nhưng đây cũng có thể chính là tác giả đã phân thân với hàm ý tự trách mình sao không về. Không về bởi sự cách trở, bởi ông nhận ra rằng hiện tại hay tương lai ông cũng không thể trở về với nơi ông gắn bó, coi như quê hương của mình được nữa. Để rồi ba câu thơ tiếp theo khung cảnh thôn Vĩ hiện lên vô cùng đẹp đẽ, lung linh trong buổi nắng sớm mai:

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Điều ấn tượng đầu tiên chính là vẻ đẹp của nắng, nắng được lặp lại hai lần trong một câu thơ, cho ta ấn tượng về thứ ánh sáng trong trẻo, tinh khôi tràn ngập khắp không gian. Mà hơn nữa lại là nắng hàng cau, thứ nắng thật thân thuộc, gần gũi đối với người dân Việt Nam. Hàng cau vươn mình đón nguồn ánh sáng của thiên nhiên, đón ánh nắng tinh khiết đầu tiên của một ngày. Dưới ánh nắng hàng cau là cả một khung cảnh tuyệt mỹ hiện ra trước mắt, màu xanh ngọc của khu vườn phủ kín cả không gian. Từng câu, từng chữ Hàn Mặc Tử đã giúp người đọc hình dung về đẹp của khu vườn ấy. Chữ “mướt” gợi nên sự non tơ, mỡ màng của cây cối khi được đắm mình trong hơi sương, trong ánh nắng buổi sáng. Hình ảnh so sánh “xanh như ngọc” đem đến cảm giác tươi mát, trong trẻo, thanh mát cho quang cảnh. Để hoàn thiện bức tranh thiên nhiên, con người xuất hiện ở câu thơ cuối cùng của khổ. Thấp thoáng sau những lá trúc mềm mại là gương mặt chữ điền. Phải chăng đó là khuôn mặt của người con gái xứ Huế, khuôn mặt ấy mang trong mình nét duyên dáng, đẹp đẽ về phẩm chất. Thiên nhiên và con người hòa quyện hài hòa tạo nên khung cảnh đẹp đẽ, đồng thời làm bùng lên khát vọng trở về thôn Vĩ của Hàn Mặc Tử.

Nét bút của Hàn Mặc Tử tiếp tục đưa người đọc đến với một vẻ đẹp khác của xứ Huế, đó là vẻ đẹp trong một đêm trăng mơ màng, huyền diệu:

*Gió theo lối gió, mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

Khung cảnh mây trời chia phôi, mỗi sự vật đều tồn tại một cách biệt lập. Gió đi theo đường gió, mây đi theo đường mây, nhịp thơ 4/3 kết hợp với dấu phẩy về mặt hình thức đã chia rẽ, tách biệt một cách tuyệt đối các sự vật, hiện tượng. Nhìn trên bề mặt là sự phi lí, không hợp với logic tự nhiên, nhưng với logic tâm trạng nhà thơ lại hoàn toàn có lí. Hướng mắt về phía trước là khung cảnh sông nước “buồn thiu” lững lờ trôi, cuộc sống tẻ nhạt, hiu quạnh. Đó không chỉ là cái buồn của dòng sông, mà còn là cái buồn của lòng người, của tâm trạng. Dường như mọi sự vật đều rời bỏ thi nhân, ông tìm đến với trăng, tìm đến với chỗ bám víu cuối cùng mong có được sự chia sẻ:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chờ trăng về kịp tối nay*

Trong thơ Hàn Mặc Tử trăng là người bạn, tri âm tri kỉ của ông. Bởi vậy, khi tất cả mọi thứ đều rời bỏ, ông tìm đến chỗ bám víu cuối cùng là ánh trăng, Trăng xuất hiện thật diễm lệ, thật lớn, đó là cả một bến sông trăng, thuyền trăng. Ở đây trăng chính là hiện thân của cái đẹp trần thế, của cuộc sống ngoài kia mà Hàn Mặc Tử khao khát có được. Câu hỏi tu từ: “Có chờ trăng về kịp tối nay” ẩn chứa sự thảng thốt, lo âu về thời gian. Một đêm tưởng dài mà lại rất ngắn, liệu có còn đủ cho quỹ để tận hưởng cuộc sống này hay không. Nỗi niềm lo lắng ấy cho thấy tình yêu cuộc sống đến mãnh liệt, cháy bỏng của Hàn Mặc Tử.

Khổ thơ cuối cùng, con người dường như không còn ở cõi thực, mà đã phiêu diêu đến cõi hư ảo, huyền bí: “Mơ khách đường xa khách đường xa/ Áo em trắng quá nhìn không ra/ Ở đây sương khói mờ nhân ảnh/ Ai biết tình ai có đậm đà”. Hình bóng giai nhân hiện hữu nhưng chỉ là trong giấc mơ, không thể nắm bắt, không thể níu kéo. Sắc trắng được Hàn Mặc Tử cực tả “trắng quá”, khiến cho người con gái mất hết đường nét, chỉ còn là một khoảng trống hư ảo, một sự hẫng hụt lớn để lại nơi lòng thi nhân. Ông tìm ra bên ngoài để bớt nỗi cô đơn, nhưng nhận lại chỉ toàn hẫng hụt, đành quay bước về thế giới ở đây. Nhưng ở đây sương khói mờ mịt, “nhân ảnh” hư hao, thiếu vắng tình người, khao khát tìm hơi ấm, tìm sự sẻ chia bằng sợi dây tình cảm nhưng tất cả đều bị cắt đứt một cách vô tình. Câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà” chứa hai đại từ phiếm chỉ, đem đến các cách hiểu khác nhau: ai có thể hiểu là cô gái mà Hàn Mặc Tử yêu liệu có biết tình cảm Hàn Mặc Tử dành cho không; ai lại cũng có thể hiểu là người trong này có biết được người ngoài kia có dành tình cảm đậm đà cho mình hay không. Nỗi cô đơn, trống vắng làm dấy lên nỗi khao khát yêu đương khắc khoải, thiết tha trong lòng Hàn Mặc Tử. Đối với ông, cô gái ấy không chỉ là người con gái cụ thể mà đó còn là cuộc sống, cuộc đời ông luôn khao khát được hòa nhập. Bài thơ đã cho thấy một Hàn Mặc Tử yêu người, yêu đời đến tha thiết, cháy bỏng.

Bài thơ sử dụng linh hoạt các hình ảnh so sánh, ngôn ngữ cực tả vẽ lên khung cảnh thôn Vị vừa đẹp đẽ, tinh khôi, vừa huyền diệu thần bí. Nhịp điệu thay đổi linh hoạt khắc họa tâm trạng của chủ thể trữ tình. Hình ảnh thơ độc đáo, gợi cảm, giàu ý nghĩa biểu trưng.

Với bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ, Hàn Mặc Tử đã vẽ nên bức tranh phong cảnh xứ Huế vô cùng lung linh, đẹp đẽ, với những khung cảnh khác nhau. Đằng sau bức tranh đó còn là nỗi niềm yêu cuộc sống tha thiết, khát khao giao cảm, hòa nhập mãnh liệt. Đồng thời ta cũng cảm nhận được nỗi cô đơn, sự bất hạnh của con người tài hoa này.

### Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ

*“Ai mua trăng tôi bán trăng cho  
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò.”*

Nhắc đến những dòng thơ này, người đọc chắc hẳn không còn lạ lẫm gì với hình ảnh “bán trăng” của Hàn Mặc Tử. Một sự nghịch lí, lạ đời vì trăng cũng là chung cũng là của riêng mọi người, hà cớ sao lại “bán”. Thế nhưng, từ hình ảnh này người ta mới thấy tấm lòng thủy chung, son sắt của nhà thơ. Và một lần nữa sự thủy chung ấy lại được tái hiện qua “Đây thôn Vĩ Dạ”. Tác phẩm không những là bức tranh thủy mặc về một vùng của cố đô Huế mà nó còn là nỗi lòng gửi tới phương xa của nhà thơ Hàn Mặc Tử.

Mở đầu bài thơ, không phải là lời chào mà là lời trách móc: “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”. Giọng điệu mang tính hỏi han, trách móc nhân vật trữ tình sao không về với thôn Vĩ, về với những kỉ niệm. Câu thơ còn nói lên sự tiếc nuối khi nhân vật trữ tình không thể chiêm ngưỡng được hết vẻ đẹp thôn Vĩ.

Sự tiếc nuối của người con gái đã nhắc đến âu cũng có căn cứ vì với một loạt “vẻ đẹp” sau đây thì dù ai bỏ lỡ chuyến về đều phải luyến tiếc.

*“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

Ba câu thơ này đã bước đầu khắc họa bức tranh quê hương thôn Vĩ với vẻ đẹp trong sáng, thanh khiết. Ở câu thơ thứ hai tác giả khéo léo dùng biện pháp điệp từ “nắng”. Nếu như “nắng” ở về đầu chỉ vị trí nó xuất hiện (nắng trên hàng cau) thì “nắng” ở về sau lại nói về tính chất (nắng mới). Khung cảnh ở thôn Vĩ xuất hiện trước mắt người đọc là vẻ đẹp vườn tược, vẻ đẹp vùng nông thôn ngoại ô thành phố.

Hàng cau chính là hình ảnh điển hình nhất cho vườn tược chốn Thừa Thiên, nhưng tác giả khéo léo hơn khi lồng vào hình ảnh này là một “gia vị” đậm chất Huế. Cái nắng ở đây xuất hiện với tính chất - mới. “Nắng mới” có thể hiểu là nắng buổi sáng, ánh nắng bắt đầu cho ngày mới.

Nhưng ánh nắng này không chỉ bắt đầu cho một ngày mà còn khởi đầu cho một mùa xuân tươi trẻ. “Nắng mới” đi kèm với động từ “lên” tạo cảm giác tươi trẻ, tràn đầy sức sống và thi sĩ chính là người may mắn khi được chiêm ngưỡng khoảnh khắc này. Từ đó cho thấy sức sống căng tràn đang lan tỏa khắp miền quê thôn Vĩ.

Từ ánh nhìn “nắng hàng cau”, tác giả đã chuyển qua quan sát “đối tượng” khác là vườn thôn Vĩ. Có thể thấy từ câu thơ này, góc nhìn của tác giả đã có sự dịch chuyển. “Vườn” hiện lên gần hơn, tầm nhìn của nhà thơ rất gần. Nghệ thuật tu từ “vườn ai” gọi lên sự tò mò, hiếu kì vì không

xác định chủ nhân khu vườn này là ai. Nhưng cái người ta quan tâm không phải là danh tính người chủ khu vườn, mà quan trọng mà sự trong xanh của nó.

Tác giả so sánh vườn với ngọc để cho thấy sự trong xanh, tinh khiết của khu vườn vào buổi sáng ban mai. Nhìn vào hình ảnh này người đọc tự nhiên có cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái, cơ mắt cũng thực sự được thư giãn. Tuy nhiên, tài năng của Hàn Mặc Tử không đơn thuần chỉ có thế. Tác giả khéo “tặng” chữ “mướt” khi miêu tả màu sắc khu vườn. Từ này tạo cho người đọc cảm giác về sự trơn tru, tròn trịa và thêm phần mịn màng.

Đã thế nó còn đi kèm với thán từ “quá” làm cho vườn tược của thôn Vĩ thêm phần thanh tao. Làm người đọc tò mò muốn được nhìn thấy một lần. Nếu như câu hai, câu ba giúp chúng ta có cái nhìn bao quát về thiên nhiên xứ Huế thì tới câu thứ tư nhà thơ đã giới thiệu về con người nơi đây.

Hình ảnh “mặt chữ điền” chỉ về khuôn mặt phúc hậu, hiền từ và đây cũng là cách tác giả giới thiệu về tính cách con gái Huế. Ấn mình sau nét đẹp ấy là chi tiết “lá trúc che ngang” gợi lên sự e ấp, ngại ngùng của cô gái xứ mộng mơ. Như vậy chỉ với khổ thơ đầu người đọc đã có cái nhìn đầu tiên về khung cảnh thôn Vĩ. Mảnh đất ở đây không chỉ hiện lên với vẻ đẹp tinh túy mà con người cũng rực rỡ muôn phần.

Đến với khổ thơ hai, độc giả tiếp tục chứng kiến những đường nét mà “thi sĩ” vẽ nên. Bức tranh ấy đã mở rộng cả về không gian lẫn thời gian.

*“Gió theo lối gió, mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,  
Có chờ trăng về kịp tối nay?”*

Mở đầu khổ hai, Hàn Mặc Tử mở rộng không gian thôn Vĩ bằng hình ảnh từ trên cao. Ở đây tác giả rất tinh tế khi sử dụng biện pháp điệp cấu trúc câu và điệp từ đồng thời với nhau. “Gió” và “mây” được nhấn mạnh hai lần nhưng không phải cảm giác gấn bó, khăng khít mà là sự chia lìa. Vì gió đi lối riêng, mây lại có đường khác.

Nếu như câu đầu tác giả nói về sự chia lìa nhưng bằng cách gián tiếp thì câu tiếp theo nhà thơ đã nhấn mạnh cảnh vật với tâm trạng sâu thẳm bằng động từ “buồn thiu”. “Buồn thiu” là tâm trạng sâu thẳm pha chút cô đơn. Và nhân vật mang tâm trạng này là “dòng nước”. Bằng thủ thuật nhân hóa, tác giả đã ví dòng nước thôn Vĩ như một sinh vật có suy nghĩ, có tâm trạng. Cảnh vật chuyển mình mạnh mẽ từ tươi tắn lúc ban mai và lại mang nét hoài cổ vào thời điểm này.

“Hoa bắp lay” có thể là một sự rung rinh khi có đợt gió đi qua làm rõ hơn sự buồn bã, đơn côi. Không gian đang ở trên cao liền được kéo xuống dưới thấp làm cho hình ảnh thêm phần sinh động. Ý đồ của tác giả thực sự xuất sắc khi để cho cái buồn của thiên nhiên hiện ra trước, làm người đọc tò mò, suy nghĩ rồi tác giả mới đưa ra cái trầm tư của con người.

*“Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,  
Có chờ trăng về kịp tối nay?”*

Nếu như câu hỏi tu từ ở khổ thơ đầu tiên mang nét trách móc thì ở khổ này lại đượm buồn và có chút xót xa. Xuất hiện hình ảnh ẩn dụ “thuyền”, “bến” cùng với hình ảnh “sông Trăng”. Sông Hương bây giờ đã nhuộm đầy ánh trăng, làm cho cả một vùng sông tràn ngập ánh vàng.

Câu hỏi cuối khổ thơ như thể chính tác giả đang hỏi bản thân. Câu thơ đã bộc lộ nỗi niềm lo lắng khi trong hoàn cảnh này tác giả đang mang trong mình căn bệnh quái ác. Và liệu nhà thơ có đủ thời gian để chờ vàng trăng ấy về kịp. Câu hỏi khiến cho cả khổ thơ chùng xuống hẳn! Thi sĩ buồn cho cái số phận ngán ngùi, cho ước mơ vẫn còn dở dang. Đành là vậy! Như khi đến khổ thơ thứ ba tác giả tiếp tục sống cho mộng ước của mình

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà”*

Lần này tác giả sống trong mộng tưởng của mình. Hình ảnh khách đường xa nhấn mạnh hai lần đã nói lên phần nào nỗi trông ngóng, nhớ thương của tác giả dành cho người thương. Theo một số tư liệu thì lúc làm nhân viên ở Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có thầm thương trộm nhớ cô gái Huế tên là Hoàng Thị Kim Cúc, con ông chủ sở.

Một thời gian sau, nhà thơ vào Sài Gòn làm báo, khi trở lại Quy Nhơn thì gia đình cô Cúc đã về lại Vĩnh Dạ (Huế). Trong thời gian nhà thơ bạo bệnh, được sự gợi ý của người bạn, cô Cúc đã gửi cho nhà thơ bức ảnh chụp cảnh cô mặc áo dài trắng cùng với đó là hình ảnh sông, nước, bến, thuyền.

Nhận được bức ảnh ấy, nhà thơ đã rất vui. Cũng chính vì thế mà hình ảnh “áo em trắng quá” có thể bắt nguồn từ tà áo trắng mà cô Hoàng Thị Kim Cúc đã chụp. Tuy nhiên, cái màu trắng ấy lại “nhìn không ra”. Có một số giả thiết cho rằng lúc tác giả mắc bệnh thì con mắt đã kém đi nên nhìn mọi vật có thể không rõ. Vậy nên màu trắng này có phải là sự lạ lẫm hay cái nhìn đã phần giảm xuống?

*“Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà”*

Câu thơ thứ ba của khổ cuối đã miêu tả đúng cái không gian của xứ Huế. Với vùng quê được bao quanh bởi sương và khói, màu trắng ấy đã làm mờ đi mọi thứ kể cả “nhân ảnh”. Con người dường như cũng bị khuất lấp sau màn sương ấy. Cảm giác vừa thực vừa ảo, như thể tác giả đang lạc vào thế giới thần bí mà ở đó mọi vật đều khó hiện rõ nét sau “tám rèm trắng”.

Và có lẽ ý tứ, tình cảm của tác giả lại được gói ghém ở câu thơ cuối cùng. Tiếp tục là một câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà?”. Nhà thơ hỏi người mà cũng giống như hỏi mình liệu tình cảm ấy còn “đậm đà”, son sắt như ngày xưa. Liệu cố nhân có còn giữ tình cảm xưa cũ. Đọc câu thơ này, độc giả sẽ không biết nhân vật hỏi và được hỏi sẽ là ai. Thế nhưng cái người ta để tâm là tình cảm ấy có trường tồn, và lòng người có còn giữ chút niềm riêng.

Tất cả đều là một ẩn số! Bằng cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật một cách xuất sắc và linh hoạt như biện pháp điệp từ, điệp cấu trúc, câu hỏi tu từ... người đọc đã có dịp chứng kiến cây bút tài hoa vẽ nên những đường nét mềm mại của bức tranh chốn Thừa Thiên một cách sinh

động và có hồn nhất. Với bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” Hàn Mặc Tử đã đưa độc giả đến với không gian xứ Huế mộng mơ mà cụ thể là cảnh thôn Vĩ Dạ.

Với một khung cảnh trữ tình, nên thơ cùng với tình yêu tha thiết, nhớ mong tác giả đã giải bày tình cảm của mình với người con gái Huế mà tác giả thầm đơn phương. Tình cảm ấy son sắt, thủy chung nhưng lại bồn chồn, lo lắng về “người cũ” có còn giữ nỗi niềm xưa. Tình cảm ấy còn đọng mãi và trở thành một câu hỏi không người trong lòng tác giả và cho cả người đọc.

### ***Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ***

Bài thơ đây thôn Vĩ Dạ được ra đời từ một nguyên cớ rất đặc biệt. Khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh nặng chờ đợi những giây phút đến với tử thần ở trại phong Quy Hòa, Quy Nhơn, thì nhà thơ đã bất ngờ nhận được một tấm bưu ảnh do người bạn gái là Hoàng Thị Kim Cúc gửi tặng từ thôn Vĩ Dạ. Tấm bưu ảnh ấy có phong cảnh sông nước đêm trăng, có thuyền và bến. Phía sau kèm theo mấy lời thăm hỏi để an ủi nhà thơ lúc này đang mang căn bệnh hiểm nghèo.

Đối với người bình thường tấm bưu ảnh chỉ là một quan hệ xã giao thăm hỏi nhau nhưng với Hàn Mặc Tử thì có ý nghĩa rất riêng. Nó đã cho nhà thơ được yêu người trong mộng với một tình yêu sâu kín nỗi lòng. Vì thế mà, kiệt tác "Đây thôn Vĩ Dạ" đã ra đời. Khổ thứ nhất mở đầu là câu hỏi của một người con gái.

"Sao anh không về chơi thôn Vĩ?" Thực ra đây là một lời trách yêu, một sự dỗi hờn thể hiện nỗi trông ngóng da diết của cô gái ở thôn Vĩ. Nhưng trong thực thể thì không có người con gái nào đang trực tiếp đối với Hàn Mặc Tử cả. Lời nói dịu dàng và chứa đầy yêu thương ấy chính là những dòng chữ trong tấm bưu ảnh kia, nó xôn xao, sống dậy, nó trở thành giai điệu và phát ra tiếng nói.

Ở câu thơ thứ hai chúng ta hết sức bất ngờ vì lời mới vừa cất lên thì ngay lập tức Hàn Mặc Tử đã có mặt ngay ở không gian thôn Vĩ Dạ. Rõ ràng đây là một cuộc hành trình trong tâm thức. "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên"

Câu thơ này xuất hiện hai từ "nắng". Một cái nắng được phát hiện được miêu tả "nhìn nắng hàng cau" và một cái nắng tinh khôi mới mẻ, nó khiến nhà thơ phải xuýt xoa reo lên như trẻ con "nắng mới lên". Đây không phải là thứ nắng của mặt trời mà ngày nào chúng ta cũng thấy. Đây là một thứ nắng rất mới vì nó xuất hiện trong buổi bình minh. Nó thấp nên trên những hàng cau.

Từ trước đến nay người ta đều cho rằng điểm nhìn của Hàn Mặc Tử là từ xa đến gần. Người du khách thấy được nắng hàng cau và càng đến gần khu vườn càng thấy màu xanh ngọc của lá cây. Thực ra ông trở về bằng tâm thức thì không nhất thiết phải có một cuộc dạo chơi như vậy.

Đôi mắt của Hàn Mặc Tử đang ở trên cao, trên khu vườn thôn Vĩ. Nhà thơ đang xé toạc vòm trời đen để nhìn thấy bình minh nắng mới diệu kì thấp lên từ thôn Vĩ Dạ. Không gian nơi có người mình yêu là một khu vườn địa đàng, là nơi có nhiều phép màu cổ tích. Về với thôn Vĩ là trút được những nỗi phiền muộn đốn đau. Vì thế nên tâm thức của Hàn Mặc Tử đã đáp xuống khu vườn thôn vĩ.

"Vườn ai mướt qua xanh như ngọc" Câu thơ có đến hai lần xuýt xoa, kinh ngạc. Đã "vườn ai mướt quá" lại còn phát hiện ra cái "mướt quá" ấy là "xanh như ngọc". Tất cả đều non tơ, tất cả đều xanh tươi, mọi chiếc lá ở đây đều xanh như ngọc. Nó không chỉ cho ta cảm nhận bằng thị giác mà còn cho ta cảm nhận tiếng va chạm của những chiếc lá ngọc. "Lá trúc che ngang mặt chữ điền".

Câu thơ cuối khổ một là câu thơ có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho rằng "mặt chữ điền" chính là khuôn mặt của người con gái đã mời Hàn Mặc Tử về chơi thôn Vĩ. Bởi vì "vườn ai" chính là vườn của em, nhìn thấy khuôn mặt của em trong khu vườn ấy thì rất hợp lí.

Nhưng nhà thơ Chế Lan Viên - bạn của Hàn Mặc Tử đã rất bất mãn với cách hiểu này, ông cho rằng mặt chữ điền có thể không xấu nhưng nhất định đó là gương mặt không theo chuẩn mực cái đẹp của người Việt Nam khi đánh giá phụ nữ. Cũng có ý kiến lại nói là "mặt chữ điền" là viên gạch có bốn ô vuông thường được xây trên bức bình phong của những ngôi nhà ở thôn Vĩ.

Thực ra nếu đọc thơ Hàn Mặc Tử chúng ta sẽ bắt gặp nhiều hình tượng, thế giới kì lạ. Việc nhà thơ gặp mình trong quá khứ cũng như trong tương lai là rất phổ biến. Vì thế dù thật khó tin nhưng ở đây Hàn Mặc Tử đã gặp lại chính mình với gương mặt chữ điền thời còn là chàng trai tài hoa nổi danh trên đất Huế.

Nhà thơ muốn yêu một tình yêu trong trắng, thanh thản, đắm say thì phải trở lại là con người của quá khứ, phải là một nhà thơ đa tình phong lưu thời còn ở Huế. Nói đúng ra là nhà thơ muốn quên mình trong hiện tại với căn bệnh hiểm nghèo để được yêu. Hình tượng "lá trúc che ngang" càng cung cấp cho gương mặt chữ điền ấy những nét ngang tàng, phóng khoáng mạnh mẽ của người đàn ông. Lá trúc trong quan niệm xưa chính là biểu hiện cho người quân tử.

Nếu khổ thơ thứ nhất cho chúng ta ấn tượng về buổi sáng thì khổ thơ thứ hai cho chúng ta ấn tượng về buổi chiều ở một không gian trống rỗng ngoài thôn Vĩ Dạ và sau đó là buổi tối với cảnh sông nước con thuyền tràn ngập ánh trăng. Cả bốn câu thơ phần nào gợi cho chúng tôi về phong cảnh xứ Huế nhưng thực ra mọi hình tượng đều tồn tại trong những quan hệ nghịch lí, trái tự nhiên. "Gió theo lối gió, mây đường mây".

Câu thơ thứ hai không chỉ là nghịch lí mà còn là một sự trở trêu. Lẽ tự nhiên hoa bấp lay động thì mặt nước phải gợn sóng. Thế nhưng ở đây chỉ có hoa bấp lay động cùng giò để dòng nước một mình buồn thiu. Chẳng thà xa mặt cách lòng như gió với mây còn hơn đứng bên cạnh nhau mà cho nhau nhiều đắng cay, tủi cực.

Nếu khổ thơ đầu ta cảm nhận một tình yêu sắp nảy nở tuyệt vời nhưng đến khổ thơ sau thì ta lại gặp một cuộc tình tan nát chia phôi. Thông qua cách nói bóng gió, Hàn Mặc Tử đã chua chát phủ định người mời mình về thăm thôn Vĩ. Đó là một kẻ phụ tình bỏ rơi những lời hẹn ước, làm tan nát trái tim của kẻ yêu thương tin tưởng đại khờ.

Người yêu trong mộng của Hàn Mặc Tử khi thì mời đón dành sẵn một thế giới yêu thương chờ đợi, khi thì trở thành một kẻ phụ tình phũ phàng rất lạnh lùng. Và thật bất ngờ con người ấy bỗng dưng hiện ra thật nhân từ và độ lượng.

*"Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chờ trăng về kịp tối nay?"*

Hình tượng trăng trong thơ Hàn Mặc Tử xuất hiện rất nhiều. Trăng muôn đời là biểu tượng của hạnh phúc, đặc biệt là hạnh phúc lứa đôi. Quá khao khát hạnh phúc nên hai câu thơ của Hàn Mặc Tử tràn ngập ánh trăng: bến trăng, sông trăng, thuyền trăng, chõ trăng.

Nhân vật "ai" ở đây chỉ có thể là người mời Hàn Mặc Tử về thăm thôn Vĩ. Người ấy đang cắm thuyền ở bên sông để chờ đợi lấy được nhiều ánh trăng hạnh phúc và sẽ chõ trăng về cho nhà thơ tối nay. Đó là sự yêu thương cao cả, là sự thấu hiểu đến tường tận những khao khát của Hàn Mặc Tử.

Thế nhưng chữ "kịp" ở đây lững lờ một câu hỏi: liệu có chõ kịp trăng về trong tối hôm nay? Có thể kịp và cũng có thể không còn kịp nữa... Tối nay là một khái niệm thời gian ngắn ngủi. Hàn Mặc Tử biết rằng sự sống của mình chỉ còn lại những giây phút ngắn ngủi ở trần thế, sẽ có người đem hạnh phúc đến cho nhà thơ nhưng nếu đến trễ thì hạnh phúc ấy thật vô nghĩa.

"Mơ khách đường xa, khách đường xa" Mở đầu khổ thơ thứ ba là một câu thơ thật đặc biệt. Khách vốn đã xa lạ mà nhà thơ còn lặp đến hai lần sự xa lạ ấy "khách đường xa, khách đường xa". Thế mà, lại có một giấc mơ về người khách không quen ấy. Thực ra đây là người mời Hàn Mặc Tử về thăm thôn Vĩ nhưng nhà thơ hiểu rằng người ấy ngoài tầm tay với của mình. Con người đó càng lúc càng trở nên xa lạ và càng không níu kéo được nên Hàn lại càng gửi gắm vào giấc mơ. Có thể thấy tâm sự này qua những vần thơ khác của Hàn:

*"Người đã đi rồi không níu lại  
Tình yêu chưa đã, mển chưa bưa  
Người đi một nửa hồn tôi mất  
Một nửa hồn tôi đến đại khờ".*

Bởi muốn tìm một tình yêu trong mộng để được sống có ý nghĩa trong những giây phút cuối đời nên tâm trạng của Hàn Mặc Tử luôn có những đối cực. Ban đầu là hi vọng tràn trề rồi lại trách móc coi người mình yêu là kẻ phụ tình; liền sau đó nhà thơ thấy người con gái mời mình về thăm thôn Vĩ thật chung tình, sẵn sàng cắm thuyền đợi chờ mong ánh trăng hạnh phúc đến cho mình.

Tiếp theo, Hàn Mặc Tử tuyệt vọng nhìn người yêu mình như "khách đường xa". Nhưng cũng liền sau đó, nhà thơ thấy người ấy quay trở lại với mình, cô gái ấy hoàn toàn trong trắng và thánh thiện. Đại từ "em" thật giản dị, gần gũi biết bao: "Áo em trắng quá nhìn không ra".

Câu thơ vừa sáng bừng lên niềm hi vọng thì nó đã cho Hàn Mặc Tử cảm nhận ngay sự tuyệt vọng. Đáng lẽ "áo em trắng quá" thì anh phải nhìn rất rõ em. Thế nhưng áo em càng trắng bao nhiêu thì anh lại càng không nhìn ra bấy nhiêu. Thực ra anh không dám nhìn bởi vì em quá trong trắng, thanh cao...

Mặc cảm khi yêu thương là một quy luật. Nhưng tôn thờ để rồi mặc cảm như Hàn Mặc Tử là do có nguyên nhân từ cuộc đời riêng. Nhà thơ hiểu hoàn cảnh thực tại của mình, vì thế mà dù nhân vật "em" trở lại với mình, nhà thơ cũng không dám yêu. Hàn Mặc Tử phải tự khước từ với tình yêu của mình. Câu thơ thứ ba nhuộm màu sắc bi quan của một triết lí nhân sinh: "Ở đây sương khói mờ nhân ảnh". Nguyễn Gia Thiều đã từng viết:



*"Con quay búng sẵn lên trời  
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm"*

Đời người là một con quay đã búng sẵn, chính bản thân ta cũng không thể điều khiển được số phận của ta. Trong mối quan hệ với người khác thì ta chỉ nắm bắt được "nhân ảnh" chứ không thể là chính người đó. Hàn Mặc Tử cũng vậy, nhà thơ hiểu rằng mình không chủ động được với chính mình, mình không thể nhìn thấy rõ hình ảnh của người yêu.

Thi sĩ hiểu rằng sương khói của cuộc đời đang xóa nhòa "nhân ảnh" của nhân vật "em"... Đó là một nhận thức thật chua chát, ngậm ngùi, nó để lại sự trống vắng như một trong hoang mạc trong tâm hồn Hàn Mặc Tử. Đây chính là nguyên nhân khiến cho thi sĩ thốt ra một câu hỏi bơ vơ tuyệt vọng không có chỗ nào để bám víu: "Ai biết tình ai có đậm đà?".

Hai đại từ "ai" ở câu thơ này tạo nên nhiều cách hiểu: không biết em có hiểu được chính tình yêu của em đậm đà hay không? Không biết bản thân anh có biết được tình yêu của chính mình đậm đà không? Liệu em có biết tình anh đậm đà không? Liệu anh có biết tình em có đậm đà không?

Một câu hỏi trong thơ nhưng ẩn chứa biết bao nhiêu câu hỏi đằng sau nó, càng hỏi càng thấy "mờ nhân ảnh", càng tuyệt vọng. Càng tha thiết một tình yêu đậm đà Hàn Mặc Tử càng thấy sự đổ vỡ tuyệt vọng với tình yêu. Vì thế mà cảm hứng chủ đạo của "Đây thôn Vĩ Dạ" chính là cảm hứng đau xót về một tình yêu tuyệt vọng.

Mọi sự tuyệt vọng đều cho người ta bi quan, riêng tình yêu tuyệt vọng của Hàn Mặc Tử lại dạy cho ta giá trị nhân văn cao cả. Nhà thơ níu kéo cuộc sông này bằng tình yêu, dù đó là một tình yêu tuyệt vọng. Chúng ta không gặp hoàn cảnh bi đát như Hàn Mặc Tử, nên chúng ta cần phải biết sống như thế nào, yêu như thế nào trong cuộc đời tuyệt đẹp ở trần thế đáng sống này.

#### ***Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ***

Khi được gọi tên cho Phong trào thơ mới, Đỗ Lai Thúy đã gọi đó là một "Cây nấm lạ trên gia hệ của văn mạch dân tộc". Cái "lạ" của thơ mới, có người biết, có người chưa biết, nhưng cái "lạ" mà người thi sĩ Hàn Mặc Tử mang theo khi bước vào làng thơ, thì hẳn ai cũng rõ.

Những vần thơ điên loạn với ngấp tràn ý tưởng của hồn, trăng, và máu đã không thôi ám ảnh những ai yêu thơ Hàn, đọc thơ Hàn. Nhưng chẳng ai có thể tưởng đến giữa một rừng thơ ma quái và kì dị ấy, lại mọc lên một bông hoa trong sáng tinh khôi, còn vương bao hương sắc ở đời. Bông hoa ấy Hàn đặt tên "Đây thôn Vĩ Dạ", trong nó chứa chở bao cảm xúc và hoài nhớ về một miền quê từng gắn bó biết bao...

Thi phẩm chỉ vồn vện ba khổ, nhưng là sự kết đọng của bao nhiêu nỗi nhớ, bao nhiêu khát khao, có cả bao nhiêu hoài nghi và tuyệt vọng. Bài thơ gắn với chuyện tình giữa thi sĩ và người con gái Huế tên Hoàng Cúc. Giữa những ngày đau đớn nhất cuộc đời, chàng lại nhận được bức ảnh sông nước xứ Huế đêm trăng, nhận thêm mấy dòng thư tín từ người con gái chàng từng thầm thương. Bao cảm xúc ứa về, cuộc hành hương trong tâm tưởng cũng từ đó, và những vần thơ hay nhất được gọi hứng từ xứ Huế mộng mơ đã bật trào trong nỗi nhớ...

Thi phẩm bắt đầu bằng một câu hỏi mang đầy ý vị của Huế mộng và Huế thơ. Không phải là hàng loạt câu hỏi tự vấn đầy quần quai và đau đớn như ta từng gặp:

*Tôi vẫn ở đây hay ở đâu  
Ai đem bỏ tôi xuống trời sâu  
Sao bông phượng nở trong màu huyết  
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

Câu hỏi cất lên ở đây vừa như một lời mời, một lời hỏi, lại như một lời trách móc, lời thờ than: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?". Là người con gái Huế hỏi chăng? Hay là Hàn tự phân thân ra hỏi mình? Dù là gì thì cái điều cốt nhất ta thấy được ở đây cũng chỉ là một niềm tha thiết, một nỗi xúc động của người thi sĩ khi được trở về với mảnh đất nhiều kỉ niệm, dù chỉ là trong tâm tưởng.

Câu thơ chơi vui trong sáu thanh bằng và vút lên ở thanh cuối đủ gieo vào lòng người đọc những cảm xúc khó mờ. Là "không về" chứ không phải "chưa về", là "về chơi" chứ không phải "về thăm". Nếu đọc cho kĩ, ngâm cho sâu, ta sẽ thấy một câu thơ mà hàm ẩn bao ý niệm.

"Chưa về" nghĩa rằng sẽ còn về được nữa, "về thăm" nghe thật xa lạ biết bao. Đứng ở tâm thế của một người con từng rất gắn bó với xứ Huế, Hàn đã dùng chính tâm thức của mình để viết những câu thơ tiếp theo. Cảnh vườn thôn Vĩ hiện ra, ngời ngời sắc xanh, long lanh ánh sáng:

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Ấn tượng sâu nhất vương lại từ câu thơ chính là không gian ngập tràn sắc nắng. Không phải "nắng ửng" trong làn khói mơ tan, không phải "nắng chang chang" dọc theo bờ sông trắng, nắng ở đây, là thứ "nắng mới", không huyền hồ ảo diệu, không đậm màu đậm hương, nó tinh khôi và trong trẻo đến lạ.

Nắng đổ xuống hàng cau, cau hướng lên hứng nắng nhẹ nhàng, một khu vườn mướt xanh được gội sạch bởi sương đêm, sáng sớm nay được đắm mình trong nắng mới. Cái "mướt" mà Hàn gọi dậy ở khu vườn, cái "ngọc" mà Hàn ví với màu xanh, chúng gợi ra bao nhiêu là sắc điệu. Vừa gợi màu mà vừa gợi ánh, vừa óng chuốt lại thật tinh khôi. Người ta ngỡ ngàng về một cảnh vườn thôn từng quen nay trong trẻo đến lạ.

Nhớ về thôn Vĩ còn là nhớ về những nét đáng thân thương của con người nơi đây. Không tả mà chỉ gợi, bằng bút pháp cách điệu hóa, thi sĩ đủ cho ta cảm nhận về con người Huế chân thật, dịu dàng, về con gái Huế đậm thắm, nữ tính, thấp thoáng sau một màn trúc che ngang là gương mặt chữ điền rất Huế. Ta từng gặp hình dáng ấy trong câu thơ của Bích Khê:

*Vĩ Dạ thôn, Vĩ Dạ thôn  
Biếc che cần trúc không buồn mà say.*

Những nét vẽ thanh tao, những cảm nhận tinh tế, chúng gợi dậy một hồn thơ thánh thiện, nặng tình nặng nỗi với một mảnh đất thân thương. Tìm đâu xa tình yêu quê hương xứ sở, đôi khi niềm thương bắt đầu từ những ấn tượng ngọt ngào quá đỗi bình thường như thế. Hóa ra, không chỉ

Hoàng Phủ, không chỉ Trịnh Công Sơn mới viết hay về Huế. Hàn cũng góp cho Huế mấy vần thơ thật chân tình đượm nồng những yêu thương...

Nhưng liệu có phải sẽ thật thiếu sót khi nhắc về Huế mà bỏ quên cảnh sông nước đêm trăng vốn đã thành mảnh hồn riêng nơi đây? Bất trọn được cái hồn riêng ấy, thi sĩ đã kéo cái nhìn của người đọc sang một miền không gian khác, chơi vui giữa gió mây, lặng mình theo dòng nước:

*Gió theo lối gió mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

Một bức tranh gợi buồn, gợi sầu. Gió nhẹ thổi, mây nhẹ trôi, hoa bắp nhẹ lay, dòng Hương giang trầm mặc. Cái dáng Huế qua mấy mươi thế kỉ cơ hồ cũng chỉ có thế. Không khí trầm tịch của đất cố đô được gợi lại chỉ qua mấy nét chấm phá. Nhưng hãy thử đọc kĩ, và nhìn đằng sau câu thơ xem còn bao nhiêu nét nghĩa nữa.

Quả vậy, đây không chỉ là một bức tranh ngoại cảnh, nó là tranh tâm cảnh, là điệu tâm hồn. Cứ nghe cái điệu ngang trái trong câu thơ là rõ. Lẽ thường gió thổi mây bay, ở đây gió mây đôi ngả, xa cách như chẳng thể chung đường. Cảnh đã được nội tâm hóa, thấm đượm sự chia li. Đến nỗi mà, cái buồn đã được gọi thành tên: "buồn thiu". Hai chữ "buồn thiu" đã gói trọn nỗi buồn đau của con người, của mỗi trần duyên tẻ tái. Thấp thoáng nơi ấy câu dân ca thuở nào:

*Ai về Giồng Dừa qua trướng  
Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em?*

Nhưng không biết vì nỗi buồn đã choán ngập tâm hồn, hay vì nhớ mong không thể làm chủ, mà ngay hai câu thơ sau, cảnh trở nên thật hư ảo huyền hồ:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Thuyền, trăng, bờ bãi vốn không phải lần đầu đồng hiện. Thơ xưa từng có ai viết:

*Nước biếc non xanh thành gỏi bãi  
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.*

Nhưng cái khác biệt ở đây là, thi sĩ không đứng đó mà ngắm trăng hay ngắm sông, người đang chìm dần trong cảm giác ảo hóa. Trăng xuất hiện trở lại, nhưng không phải "trăng vàng trăng ngọc", "trăng năm sóng soãi", mà là trăng huyền hồ tan trên mặt nước. Trong cảm giác mộng lung của thi nhân, sông trở thành sông trăng, thuyền trở thành thuyền trăng, bóng người cũng trở thành hình ai thấp thoáng, mờ nhòe trong trăng.

Tất cả ngập một màu trắng. Trăng ở đây mang chở nỗi niềm khắc khoải, lo âu, nuối tiếc trước nỗi đau sắp phải xa lìa thực tại. Sự pháp phò âu lo và những mong được níu giữ thời gian ấy hiện lên rõ nhất ở chữ "kịp" và câu hỏi đầy tội nghiệp kia.

Ta nhìn thấy ở đây một cuộc chạy đua với thời gian, thời gian đang dồn đuổi từng bước, nhưng chạy đua không phải để tận hưởng tối đa thanh sắc cuộc đời như mong muốn của Xuân Diệu, mà chỉ mong tận hưởng cái tối thiểu - đó là được sống. Được sống không thôi đã thỏa

nguyện rồi. Trong câu thơ là bao nhiêu sự âu lo, cũng là bấy nhiêu niềm khao khát. Nhân văn của thi phẩm cũng là ở đó: Hãy luôn sống trọn từng ngày khi còn đang được sống.

Niềm khao khát tình đời, tình người của thi nhân cất lên rõ nhất ở khổ thơ thứ ba, khi mà thế giới đã về với thực tại, ngập chìm hoàn toàn ở cõi mơ:

*Mơ khách đường xa khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Chữ "mơ" đặt ở đầu, chơi vơi sau đó là tiếng gọi "khách đường xa" đầy khắc khoải, mang theo sự chơ vơ hụt hẫng, bỏ lại bao ngẩn ngơ buồn tiếc. Hình ảnh khách thể xuất hiện trở lại, ngỡ như cứ bước xa dần khỏi vòng tay Hàn, đi về một cõi xa xăm không thể chạm đến. Người con gái mang sắc áo trắng tuyết đôi, trinh nguyên vô ngần, suốt đời Hàn tôn sùng nay lại trở nên mờ nhạt, khó giữ. Tất cả như mờ ảo hơn: Ở đây sương khói mờ nhân ảnh.

Không gian mông lung, lạnh lẽo, mịt mù trong sương khói, huyền hồ trong ảo ảnh. Nó choán trùm lên cả ý thức và tiềm thức, thắt buộc lòng người đến tê dại. Nghe câu hỏi khắc khoải cuối cùng: "Ai biết tình ai có đậm đà?", ta thảng thốt nhận ra, hóa ra bấy lâu người thi sĩ cũng chỉ mong chờ điều ấy, khao khát điều ấy, đó là tình người, tình đời.

Đời thi sĩ sống đã vốn chẳng được vui, đến cuối đời cũng chỉ mong tìm được mảnh hồn tri ngộ. Hàn Mặc Tử của chúng ta, không "kì dị" như bao người nói. Chẳng có trái tim rất người, có những tình cảm rất người, mà có lẽ đến nhiều năm sau này vẫn có không ít người ghi nhận điều ấy.

Bài thơ như một khúc đoản ca về tình yêu và niềm khao khát, hướng về một mảnh vườn, cũng là hướng về một mảnh đời. Đặc sắc của thi phẩm còn được tạo nên ở những nghệ thuật mang phong cách riêng của Hàn Mặc Tử. Với những hình ảnh tượng trưng đầy hàm nghĩa, với những câu hỏi tu từ trải đều trên các khổ thơ mang theo ý niệm riêng, cùng lối viết cách điệu hóa, pha lộng ảo thực, "Đây thôn Vĩ Dạ" xứng là một thi phẩm có những thi từ đẹp nhất, trong sáng nhất.

"Mai sau, những thứ tâm thường mực thước sẽ biến mất đi, và còn lại của thời kì này một chút gì đáng kể, thì đó là Hàn Mặc Tử". Lời trân trọng mà người bạn thơ Chế Lan Viên gửi cho Hàn đã nói thay về những gì Hàn để lại cho đời. Mãi mãi là như thế.

### ***Bài văn mẫu số 5: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ***

Hàn Mặc Tử - một trái tim, một tâm hồn lãng mạn dạt dào yêu thương đã bật lên những tiếng thơ, tiếng khóc của nghệ thuật trước cuộc đời. Những phút giây xót xa và sung sướng, những phút giây mà ông đã thả hồn mình vào trong thơ, những giây phút ông đã chất lọc, đã thăng hoa từ nỗi đau của tâm hồn mình để viết lên những bài thơ tuyệt bút. Và bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ đã được ra đời ngay trong những phút giây tuyệt diệu ấy. Ở bài thơ, cái tình mặn nồng trong sáng đã hòa quyện với thiên nhiên tươi đẹp, mỗi tình riêng đã ở trong mỗi tình chung hồn thơ vẫn đượm vẻ buồn đau.

Đây thôn Vĩ Dạ là một trong những bài thơ tình hay nhất của Hàn Mặc Tử. Một tình yêu thiết tha man mác, đượm vẻ u buồn ẩn hiện giữa khung cảnh thiên nhiên hòa vào lòng người, cái thực và mộng, huyền ảo và cụ thể hoà vào nhau. Mở bài đầu thơ là một lời trách móc nhẹ nhàng của nhân vật trữ tình.

Sao anh không về chơi thôn Vĩ. Chỉ một câu hỏi thôi! Một câu hỏi của cô gái thôn Vĩ nhưng chan chứa bao yêu thương mong đợi. Câu thơ vừa có ý trách móc vừa có ý tiếc nuối của cô gái đối với người yêu vì đã bỏ qua được chiêm ngưỡng vẻ đẹp mặn mà, ấm áp tình quê của thôn Vĩ - vùng nông thôn ngoại ô xinh xắn thơ mộng, một phương diện của cảnh Huế. Chúng ta hãy chú ý quan sát, tận hưởng vẻ đẹp của thôn Vĩ:

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Nét đặc sắc của thôn Vĩ - quê hương người con gái gọi mở ở câu đầu tiên đã được tả rõ nét. Một bức tranh thiên nhiên tuyệt tác rộng mở trước mắt người đọc. Hình ảnh nắng tươi lên trên ngọn cau tươi đẹp, tràn đầy sức sống. Nắng mới là nắng sớm bắt đầu của một ngày, những hàng cau cao vút vươn mình đón lấy những tia nắng sớm kia, và tất cả tràn ngập ánh nắng và buổi bình minh. Cái nắng hàng cau nắng mới lên sao lại gợi một nỗi niềm làng quê hương đến thế. Câu thơ này bắt chợt khiến ta nghĩ tới những câu thơ Tố Hữu trong bài thơ Xuân lòng.

Nắng xuân tươi trên thân dừa xanh dịu Tàu cau non lấp lánh muôn grom xanh Ánh nhơn nhơn đùa quả non trắng phếu Và chảy tan qua kẽ lá cành chanh. Nắng mới cũng còn có ý nghĩa là nắng của mùa xuân, mở đầu cho một năm mới nên bao giờ nó cũng bừng lên rực rỡ nồng nàn.

Đó là những tia nắng đầu tiên rọi xuống làng quê mà trước nó chiếu vào những vườn cau làm cho những hạt sương đêm đọng lại sáng lên, lấp lánh như những viên ngọc được đánh vào chiếc chòang nhung xanh mịn: Vườn ai mướt quá xanh như ngọc.

Cái nhìn như chạm khế vào sắc màu của sự vật để rồi bật lên một sự ngạc nhiên đến thẩn thờ. Đến câu thơ này, ta bắt gặp cái nhìn của thi nhân đã hạ xuống thấp hơn và bao quát ở chiều rộng. Một khoảng xanh của vườn tược hiện ra, nhắm mắt lại ta cũng hình dung ra ngay cái màu xanh mướt mà, mỡ màng của vườn cây. Ta không chỉ cảm nhận ở đó màu xanh của vẻ đẹp mà nó còn tràn trề sức sống mơn mớn.

Những tán lá cành cây được sương đêm gột rửa trở thành cành lá ngọc. Không phải xanh mướt, cũng không phải xanh mỡ màng mà chỉ có xanh như ngọc mới diễn tả được vẻ đẹp ngòn ngòn, sự sống của vườn tược. Một màu xanh cao quý, lấp lánh, trong trẻo làm cho vườn cây càng sáng bóng lên.

Hình như cả vườn cây đều tắm trong luồng không khí đang còn run rẩy sự trinh bạch nguyên sơ chưa hề nhuốm bụi. Lãng kính không khí ấy làm hiện rõ hơn đường nét màu sắc của cảnh sắc mà mắt thường chúng ta bỏ qua. Nếu không có một tình yêu sâu nặng nồng nàn đối với Vĩ Dạ thì Hàn Mặc Tử không thể có được những vần thơ trong trẻo như vậy. Ai từng sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, đặc biệt ở xứ Huế thì mới thấm thía những vần thơ này: Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Trong vườn thôn Vĩ Dạ kia, nhành lá trúc và khuôn mặt chữ điền sao lại có mối liên quan bất ngờ mà đẹp thế: những chiếc lá trúc thanh mảnh, thon thả che ngang gương mặt chữ điền. Mặt chữ điền - khuôn mặt ấy càng hiện ra thấp thoáng sau lá trúc mơ màng, hư hư thực thực.

Thôn Vĩ Dạ nằm cạnh ngay bờ sông Hương êm đềm. Vì thế mà từ cách tả cảnh làng quê ở khổ thơ đầu hé mở tình yêu, tác giả chuyển sang tả cảnh sông với niềm băng khuâng, nỗi nhớ mong sầu muộn hư ảo như trong giấc mộng:

*Gió theo lối gió mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Gió và mây để gọi buồn vì nó trôi nổi, lang thang thì nay lại càng buồn hơn gió đi theo đường gió, mây đi theo đường mây, gió và mây xa nhau; không thể là bạn đồng hành, không thể gặp gỡ và sự xa cách của nhà thơ đối với người yêu có thể là vĩnh viễn. Phải chăng đây là cảm giác của nhà thơ trong xa cách nhớ thương, và đây cũng là mặc cảm của những con người xưa trong cuộc sống.

Nỗi buồn về sự chia li, tiễn biệt đọng lại trong lòng người phảng phất buồn và mang một nỗi niềm xao xác. Chúng ta không còn thấy giọng tươi mát đầy sức sống ở đoạn trước nữa, chúng ta gặp lại Hàn Mặc Tử - một tâm hồn đau buồn, u uất: Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Dòng sông Hương hiện ra mới buồn làm sao với những bông hoa bắp màu xám tẻ nhạt, ảm đạm như màu khói. Với một tâm hồn mãnh liệt như Hàn Mặc Tử thì dòng sông trôi lững lờ của xứ Huế chỉ là dòng sông buồn thiu gợi cảm giác buồn lặng, quạnh quẽ. Hoa bắp cũng lay nhẹ trong một nỗi buồn xa vắng. Sự thay đổi tâm trạng chính là thái độ của những người sông trong vòng đời tối tăm, bế tắc.

Mặt nước sông Hương êm quá gọi đến những bé bờ xa vắng, những mảnh bèo trôi dạt lênh đêngh của số kiếp người. Tâm trạng thoát vui - thoát buồn mà buồn thì nhiều hơn, ta đã gặp rất nhiều ở các nhà thơ lãng mạng khác sống cùng với thời Hàn Mặc Tử. Ý thơ thật buồn, được nối tiếp trong hai câu sau nhưng với cách diễn đạt, thật tuyệt diệu, thực đầy mà mộng đầy:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Tất cả như tan loãng trong vàng trắng thân thuộc của Hàn Mặc Tử. Cảnh vật thiên nhiên tràn ngập ánh sáng, một ánh trắng vàng sáng loáng chiếu xuống dòng sông, làm cho cả dòng sông và những bãi bồi lung linh, huyền ảo. Cảnh nên thơ quá, thơ mộng quá! Và cũng đa tình quá! Dòng nước buồn thiu đã hóa thành dòng sông trăng lung linh, con thuyền khách đã trở thành thuyền trăng.

Tác giả đã gửi gắm một tình yêu khát khao, nỗi ngóng trông, mong nhớ vào con thuyền trăng, vào cả dòng sông trăng. Thơ lộng trong ngôn ngữ thơ thật là tài tình, thật là đẹp với xứ Huế mộng mơ. Tác giả đã lướt bút viết nên những câu thơ nhẹ nhàng, sâu kín nhưng hàm chứa cả tình yêu bao la, nồng cháy đến vô cùng.

Vàng trắng trong hai câu thơ này là vàng trắng nguyên vẹn của thi nhân trước mảnh tình yêu chưa bị phơi pha. Hàn Mặc Tử rất yêu trắng nhưng vàng trắng ở các bài thơ khác không giống thế này. Một ánh trắng gắt gao, kì quái, một ánh trắng khêu gợi, lả lơi:

*Gió tít tầng cao trắng ngả ngira  
Vờ tan thành vũng đọng vàng kho.*

Hay:

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu  
Đợi gió đông về để lả lơi.*

Trăng trở thành một khí quyển bao quanh mọi cảm giác, mọi suy nghĩ của Hàn Mặc Tử, hơn nữa nó còn lẫn vào thân xác ông. Nó là ông là trời đất, là người ta. Trăng biến thành vô lượng trong thơ ông, khi hữu thể khi vô hình, khi mê hoặc khi kinh hoàng:

*Thuyền ai đậu đèn sông trăng đó  
Có chờ trăng về kịp tôi nay?*

Vàng trắng ở đây phải chăng là vàng trắng hạnh phúc và con thuyền không kịp trở về cho người trên bến đợi? Câu hỏi biểu lộ niềm lo lắng của một số phận không có tương lai. Hàn Mặc Tử hiểu căn bệnh của mình nên ông mặc cảm về thời gian cuộc đời ngắn ngủi, vàng trắng không về kịp và Hàn Mặc Tử cũng không đợi vàng trắng hạnh phúc đó nữa, một năm sau ông vĩnh biệt cuộc đời. Nhưng hiện tại, con người đang sống và đang tiếp tục giấc mơ:

*Mơ khách đường xa, khách đường xa  
Áo trắng quá nhìn không ra;  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Trái tim khao khát yêu thương, những nỗi đau kỉ niệm tình yêu ấy, ông đã gửi tất cả vào những trang thơ. Và rồi tất cả như trôi trong những giấc mơ của ước ao, hi vọng. Màu áo trắng cũng là màu ánh nắng của Vĩ Dạ mà nhìn vào đó tác giả choáng ngợp, thấy ngây ngất trước sự trong trắng, thanh khiết, cao quý của người yêu. Hình như giữa những giai nhân áo trắng ấy với thi nhân có một khoảng cách nào đó khiến thi nhân không khỏi không nghi ngờ:

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Câu thơ đã tả thực cảnh Huế - kinh thành sương khói. Trong màn sương khói đó con người như nhòa đi và có thể tình người cũng nhòa đi? Nhà thơ không tả cảnh mà tả tâm trạng mình, biết bao tình cảm trong câu thơ ấy. Những cô gái Huế kín đáo quá, ẩn hiện trong sương khói, trở nên xa vời quá, liệu khi họ yêu họ có đậm đà chăng? Tác giả đâu dám khẳng định về tình cảm của người con gái Huế, ông chỉ nói: Ai biết tình ai có đậm đà?

Lời thơ như nhắc nhở, không phải bộc lộ một sự tuyệt vọng hay hy vọng, đó chỉ là sự thất vọng. Sự thất vọng của một trái tim khao khát yêu thương mà không bao giờ và mãi mãi không

có tình yêu trọn vẹn. Bài thơ càng hay càng ngậm ngùi, nó đã khép lại nhưng lòng người vẫn thổn thức. Cả bài thơ được liên kết bởi từ ai mở đầu: Vườn ai mướt quá xanh như ngọc; tiếp đến Thuyền ai đậu bến sông trăng đó; và kết thúc là Ai biết tình ai có đậm đà? Càng làm cho "Đây thôn Vĩ Dạ" sương khói hơn, huyền bí hơn.

"Đây thôn Vĩ Dạ" là một bức tranh đẹp về cảnh người và người của miền đất nước qua tâm hồn giàu tưởng tượng và đầy yêu thương của nhà thơ với nghệ thuật gợi liên tưởng, hòa quyện thiên nhiên với lòng người. Trải qua bao năm tháng, cái tình Hàn Mặc Tử vẫn còn nguyên nóng hổi, lay động day dứt lòng người đọc.

**CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.